

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 01 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Trung Trực

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 580/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Mạc Hoàng Q, sinh năm 1994; cư trú tại: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Phạm Kiều M, sinh năm 2000; cư trú tại: Ấp X, xã T, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của anh Mạc Hoàng Q, thể hiện:*

Anh Q và chị Phạm Kiều M chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau vào ngày 19/11/2018. Khi về chung sống đến ngày 15/3/2020 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được nên anh Q yêu cầu được ly hôn với chị M.

Quá trình chung sống có 01 người con chung tên Mạc Phạm Bảo Tr, sinh ngày 13/10/2019 do chị M đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh Q đồng ý giao Bảo Tr

cho chị M nuôi và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới, được cha, mẹ cho số nữ trang gồm 12 chỉ vàng 24k (gồm sợi dây 05 chỉ, chiếc lắc 05 chỉ, chiếc khâu 02 chỉ) và 11,7 chỉ vàng 18k (gồm kiềng và mặt 3,7 chỉ, đôi bông 05 phân, nhẫn cưới 05 phân, 02 bộ vòng tay 07 chỉ) do chị M đang quản lý. Khi nộp đơn khởi kiện, anh Q yêu cầu chị M giao lại số vàng trên để phân chia. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, anh Q xác định sẽ thỏa thuận với chị M nên rút lại đối với yêu cầu này.

Về nợ người khác, người khác nợ lại: Không có.

** Lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của chị Phạm Kiều M, thể hiện:*

Chị thừa nhận về ngày tháng năm kết hôn, có đăng ký kết hôn và mâu thuẫn như anh Q trình bày là đúng. Do cuộc sống không còn hạnh phúc nên chị M đồng ý ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 01 người con như anh Q trình bày. Khi ly hôn chị đồng ý tiếp tục nuôi Mạc Phạm Bảo Tr và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày 07/01/2021 đến khi Bảo Tr tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Số nữ trang được cho trong ngày cưới gồm 12 chỉ vàng 24k và 11,7 chỉ vàng 18k như anh Q trình bày là đúng nhưng chị quản lý 11,7 chỉ vàng 18k và anh Q quản lý 12 chỉ vàng 24k. Khi ly hôn chị và anh Q tự thỏa thuận về số tài sản này và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ người khác, người khác nợ lại: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Mạc Hoàng Q và chị Phạm Kiều M chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau vào ngày 19/11/2018, khi về chung sống đến ngày 15/3/2020 thì xảy ra mâu thuẫn, được gia đình hòa giải hàn gắn nhưng không khắc phục được. Từ nguyên nhân trên, các đương sự xác định không thể hàn gắn chung sống trở lại nên đồng ý ly hôn với nhau.

Xét thấy, việc các đương sự đồng ý ly hôn với nhau là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận giao Mạc Phạm Bảo Tr cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, Bảo Tr là nữ chưa được 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ và việc thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn giữa các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật cha, mẹ có quyền, nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, anh Q phải có nghĩa vụ trong việc chăm

sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đối với con chung sau khi ly hôn nên yêu cầu của chị M về vấn đề này là có căn cứ, được chấp nhận.

Xét về mức cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa các đương sự xác định hiện nay anh làm nghề tự do với mức thu nhập không ổn định; theo anh Q thì mức thu nhập hiện nay của anh bình Q khoảng 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng/tháng nên với mức cấp dưỡng mà chị M yêu cầu chưa phù hợp với điều kiện và thu nhập thực tế của anh Q, cần xem xét, điều chỉnh lại. Theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao "mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con". Tại thời điểm này, mức lương tối thiểu là 1.490.000 đồng/tháng; do vậy, để anh Q thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng với mức 750.000 đồng/tháng và thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày 07/01/2021 cho đến khi Bảo Tr tròn 18 tuổi là phù hợp.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự thỏa thuận xong và anh Q rút lại không yêu cầu phân chia đối với số nữ trang được cho trong ngày cưới.

Xét thấy, việc anh Q rút lại yêu cầu phân chia tài sản là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này của anh Q là phù hợp.

[4] Về các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Q phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mạc Hoàng Q. Cho anh Q được ly hôn với chị Phạm Kiều M.

2. Về con chung: Giao Mạc Phạm Bảo Tr, sinh ngày 13/10/2019 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Bảo Tr theo mức 750.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày 07/01/2021 cho đến khi Bảo Tr tròn 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị M đối với khoản tiền cấp dưỡng cho đến khi thi hành án xong khoản tiền cấp dưỡng thì hàng tháng anh Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu của anh Q về phân chia đối với 12 chỉ vàng 24k và 11,7 chỉ vàng 18k. Các đương sự có quyền khởi kiện lại về nội dung này theo quy định của pháp luật.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Q phải chịu 300.000 đồng nhưng được đối trừ số tiền anh Q đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011623 ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (anh Q đã nộp xong).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) (chưa nộp).

- Án phí phân chia tài sản các đương sự không phải chịu. Hoàn trả lại cho anh Q số tiền đã nộp tạm ứng án phí phân chia tài sản là 2.832.000 đồng (hai triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011622 ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn

